**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THÁNG 10**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Lĩnh vực phát triển thể chât** | | | | |
| **1.Phát triển vận động** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| -Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi  -Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.  - Trẻ có một số tố chất, kỹ năng trong vận động nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.  -Kiểm soát được vận động  -Chuẩn 1: Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn.  -Trẻ phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt. | -Trẻ thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. Hô hấp: Hít vào, thở ra (trang 54, Sách BT phát triển vận động 5-6 tuổi)  **Tay:**  -Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.  **Lưng, bụng, lườn:**  -Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.  **Chân:**  - Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.  **Bật:**  -Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang.  -Trẻ tập luyện các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động  Chỉ số 14: Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút  -Trẻ tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay -mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ  -Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. | Tay:  -Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên  **Lưng, bụng, lườn:**  Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.  **Chân:**  Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.  **Bật:**  -Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang.  **Đi và chạy:**  Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. **Bò, trườn, trèo:**  - Bò dích dắc qua 7 điểm.  **Tung, ném, bắt:**  -Tung, đập bắt bóng tại chỗ.  **Bật - nhảy:**  -Bật liên tục vào vòng.  -Chỉ số 14: Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.  -Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:  -Tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay -mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ. Thực hiện được các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.  -Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. | * Chơi tự do * Tăng cường vận động:   -TCDG: Kéo co  -TCDG: Cướp cờ  -TCDG: Bún thun  -TCDG: Bịt mắt bắt dê  -TCDG: Lộn cầu vồng  - Bò dích dắc qua 7 điểm. | **Chủ đề: Mẹ của bé**  **Tay:**  -Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).  **Lưng, bụng, lườn:**  -Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.  **Chân:**  -Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.  **Bật:**  -Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. |
| **2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ** | | | | |
| - Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường.  -Trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.  - Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản.  -Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống, trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.  - Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.  -Trẻ nhận biết được vật dụng không an toàn, nói được mối nguy hiểm của vật dụng đó và không đến gần  -Trẻ nhận biết được một số nơi không an toàn, nói được mối nguy hiểm khi đến gần  -Trẻ biết khi ăn không đùa giỡn, cười đùa.  -Trẻ biết không tự ý uống thuốc  -Trẻ nhận biết một số thức ăn có hại cho sức khỏe  -Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn  -Trẻ biết thông tin liên lạc của bản than  - Chuẩn 7: Trẻ thể hiện sự nhận thức về bản thân | - Trẻ ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe  -Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản:  Chỉ số 15: Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn  Chỉ số 16: Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày  - Chỉ số 17. Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp;  -Chỉ số 18: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng  -Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.  -Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giật nước cho sạch.  -Trẻ tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.  -Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:  -Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.  - Trẻ vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.  - Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định.  - Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.  - Chỉ số 26: Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc  -Chỉ số 24: Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép | -Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh  -Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng n.guy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn  - Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn: Trèo ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.  - Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.  Chỉ số 22: Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm | -Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản:  Chỉ số 15: Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn  -Chỉ số 18: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng  -Trẻ tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.  - Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định. | -Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:  -Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.  Chỉ số 17. Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp;  Chỉ số 18: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng |
| 1. **Lĩnh vực phát triển nhận thức** | | | | |
| 1. **Khám phá khoa học** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| -Trẻ tò mò, ham hiểu biết, thích khám phá, xem xét, tìm tòi đặc điểm của các sự vật, hiện tượng xung quanh  - Chuẩn 26: Trẻ tò mò và ham hiểu biết  -Trẻ có khả năng quan sát thông qua việc phối hợp các giác quan để xem xét tìm hiểu đặc điểm và thảo luận về sự vật, hiện tượng.  - Trẻ có khả năng quan sát, so sánh, phán đoán qua hoạt động làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để thực hiện, dự đoán, nhận xét và thảo luận về các sự vật, hiện tượng. | - Chỉ số 96. Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng.  -Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.  -Chỉ số 113. Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. | -Trẻ so sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng, biết phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.  Chỉ số 96. Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng.  - Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.  -Chỉ số 113. Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. | - Quan sát: Các lớp học và giới thiệu các cô chú trong trường, hoa đồng tiền, cây vạn lộc, cảnh quan trước cổng trường, sân trường và các lớp ngày Trung thu. | **Mẹ của bé**  Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của mẹ khi được hỏi, trò chuyện |
| **2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:** | | | | |
| -Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm  -Trẻ có thể đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng  - Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.  - Trẻ tách được một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.  - Chuẩn 23: Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo  - Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự | -Trẻ quan tâm đến các con số.  **-** Trẻ biết đếm các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng, biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.  **-** Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10  Chỉ số 105. Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm  **-** Trẻ biết gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. | - Trẻ biết đếm các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng, biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.  - Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10  - Chỉ số 105. Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm  - Trẻ biết gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm |  | **Mẹ của bé:**  -Trẻ quan tâm đến các con số.  -Trẻ biết đếm các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng, biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.  Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10; |
| 1. **Khám phá xã hội:** | | | | |
| -Trẻ có một số hiểu biết về bản thân qua việc nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.  - Trẻ có một số hiểu biết về cộng đồng qua việc nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.  Chuẩn 7: Trẻ thể hiện sự nhận thức về bản thân | - Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.  + Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)… khi được hỏi, trò chuyện.  + Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.  Chỉ số 27. Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình;  - Chỉ số 28. Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân  Chỉ số 29. Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân;  -Chỉ số 30. Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân. | - Trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh.  - Chỉ số 28. Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân;  - Chỉ số 29. Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân;  -Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. | - Quan sát: Các lớp học và giới thiệu các cô chú trong trường, hoa đồng tiền, cây vạn lộc, cảnh quan trước cổng trường, sân trường và các lớp ngày Trung thu. |  |
| 1. **Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ** | | | | |
| 1. **Nghe, hiểu lời nói** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| -Chuẩn 14: Trẻ nghe hiểu lời nói  -Trẻ nghe hiểu lời nói để thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.  - Trẻ nghe hiểu lời nói để có thể nhận xét ý kiến của người đối thoại. | -Trẻ nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.  -Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể  -Chỉ số 63: Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi;  - Chỉ số 64: Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. | - Trẻ nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.  - Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể  - Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...)  - Chỉ số 63: Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi;  - Chỉ số 64: Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. | --Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể | **Mẹ của bé**  -Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.  -Chỉ số 64: Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. |
| 1. **Sử dụng lời nói trong cuộc sống** | | | | |
| -Chuẩn 15: Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp  - Trẻ khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ…).  -Chuẩn 16: Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp  - Trẻ sử dụng lời nói để miêu tả được sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái… của nhân vật.  -Trẻ sử dụng lời nói “Cảm ơn”, “Xin lỗi”, “Xin phép”, “Thưa”, “Dạ”… phù hợp tình huống. | -Trẻ sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng… phù hợp với tình huống  Chỉ số 77: Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;  - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.  Chỉ số 71: Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;  **-** Chỉ số 77: Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống  - Trẻ sử dụng lời nói thông qua đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao… | - **Chỉ số 71:** Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;  -Trẻ sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng… phù hợp với tình huống  - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.  **-Chỉ số 77:** Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống | Trẻ sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng… phù hợp với tình huống  Chỉ số 77: Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống; |  |
| 1. **Làm quen với đọc, viết** | | | | |
| - Chuẩn 17: Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc.  - Chuẩn 18: Trẻ có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.  -Trẻ có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết  -Chuẩn 19: Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc viết | **-** Trẻ làm quen với cách sử dụng sách, bút, với chữ viết, với việc đọc sách, với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.  **-** Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.  **-Chỉ số 91**: Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt  **-** Trẻ tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. | - Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.  **-Chỉ số 91**: Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.  - Trẻ tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình  **-Chỉ số 88:** Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái  **-Chỉ số 89:** Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình | **-** Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.  **-Chỉ số 91**: Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt | **Mẹ của bé**  -Chỉ số 83: Có một số hành vi như người đọc sách;  -Chỉ số 84: “Đọc” theo truyện tranh đã biết;  -Chỉ số 85: Biết kể chuyện theo tranh. |
| 1. **Lĩnh vực phát triển tình cảm - xã hội** | | | | |
| 1. **Phát triển tình cảm** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| -Trẻ thể hiện ý thức về bản thân.  Chuẩn 7. Trẻ thể hiện sự nhận thức về bản thân.  - Trẻ có khả năng nhận biết một số trạng thái cảm xúc qua tranh, nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.  -Chuẩn 13: Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác  Chuẩn 8: Trẻ tin tưởng vào khả năng của bản thân  -Chuẩn 10: Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn | -Trẻ thể hiện ý thức về bản thân.  -Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.  -Trẻ nói được điểm giống và khác của mình với bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)  Chỉ số 27. Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.  Chỉ số 29. Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân.  Chỉ số 58. Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân;  Chỉ số 59. Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình;  - Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.  - Trẻ thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).  -Trẻ biết quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn,..) của quê hương, đất nước | -Chỉ số 31. Cố gắng thực hiện công việc đến cùng.  -Trẻ chủ động và độc lập trong một số hoạt động, cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.  -Chỉ số 45. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn; | -Chỉ số 31. Cố gắng thực hiện công việc đến cùng.  -Trẻ chủ động và độc lập trong một số hoạt động, cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. | **Mẹ của bé**  -Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ những việc vừa sức |
| 1. **Phát triển kĩ năng xã hội** | | | | |
| -Chuẩn 12. Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội  - Chuẩn 7: Trẻ thể hiện sự nhận thức về bản thân  - Trẻ thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.  -Trẻ biết giao tiếp lễ phép  - Trẻ biết chờ đến lượt.  - Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt. | -Trẻ có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.  - Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép, trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).  - Trẻ lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự, biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.  Chỉ số 49. Trao đổi ý kiến của mình với các bạn; | - Chỉ số 54. Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;  -Trẻ có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.  - Trẻ lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự, biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép,  -Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.  -Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định. | - Chỉ số 54. Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;  -Trẻ có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.  -Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.  -Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định. | **Mẹ của bé**  -Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại  - Trẻ thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).  -Trẻ chủ động và độc lập trong một số hoạt động, cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. |
| 1. **Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| - Trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật thông qua tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu.  -Chuẩn 9. Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc.  - Trẻ sử dụng các từ gợi cảm để thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.  - Trẻ thể hiện cảm xúc thông qua việc chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc theo bài hát, bản nhạc.  -Chuẩn 22. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình | -Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên, cuộc sống và nghệ thuật.  **Chỉ số 38.** Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp;  -Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.  -Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.  **Chỉ số 100**. Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;  - Trẻ vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái, sử dụng các dụng cụ gõ đệm the phách, nhịp, tiết tấu phù hợp với các bài hát, bản nhạc.  **Chỉ số 101.** Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc;  - Trẻ lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. **-Chỉ số 102**. Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản | -Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên, cuộc sống và nghệ thuật.  **Chỉ số 38.** Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp;  -Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.  **Chỉ số 100**. Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;  - Hát: “Cho tôi đi làm mưa với”  - Trẻ vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái, sử dụng các dụng cụ gõ đệm the phách, nhịp, tiết tấu phù hợp với các bài hát, bản nhạc.  **Chỉ số 101.** Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc;  - Vỗ tiết tấu chậm bài hát “Cho tôi đi làm mưa với”  **Chỉ số 102**. Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản  -Làm thiệp tặng mẹ.  -Vẽ hoa (theo đề tài). | -Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên, cuộc sống và nghệ thuật.  **Chỉ số 38.** Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp;  -Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. | **Mẹ của bé**  -Trẻ nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.  -Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát, qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ…  -Chỉ số 100. Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;  -Trẻ lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. |